TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 8 - 2017
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tâm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hồ Thanh Trí
2. Bà Trần Thị Út

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Thành Đô – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Lan Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2016/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2016 về tranh chấp Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị K Z – sinh năm: 1983
Địa chỉ: Số 365, đường A, phường B, quận CR, thành phố Cần Thơ; Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn MK – sinh năm: 1984
Địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang; Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn Đ (Tên gọi khác: G), bà Trần Thị L, địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang; Có mặt.
- Bà Hồ Thị A, địa chỉ: Số 559, Ấp 5, xã 6, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang; Vắng mặt.
- Bà Hồ Thị B, địa chỉ: Số 11/31, đường X, phường Y, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ; Có mặt.
- Ông Nguyễn Tấn O, địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang; Vắng mặt.
- Ngân hàng TT

Địa chỉ trụ sở chính: Số 266 – 268 Nam, phường Bắc, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan G – Chức vụ: Tổng giám đốc, là người đại diện theo pháp luật.

Ông Trịnh H – Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch quận C, thành phố Cần Thơ, là người đại diện theo ủy quyền "văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 5 năm 2017"; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 04/4/2016, đơn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và đơn yêu cầu chia tài sản ngày 22/5/2016 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị K Z trình bày: Chị và anh K tiến đến hôn nhân năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2013. Chung sống hạnh phúc khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng ý kiến, thường xuyên cải nhau, anh K không chịu đi làm, không có trách nhiệm với vợ con dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc và đã ly thân nhau từ tháng 02 năm 2016 đến nay, do không G tình cảm nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh K.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc PL (nữ), sinh ngày 07/7/2013 hiện tại cháu L do chị trực tiếp nuôi dưỡng, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng để nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, thời điểm cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi cháu L tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Có 01 căn nhà xây dựng trên đất của cha mẹ chồng là ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị L, khi ly hôn chị yêu cầu chia đôi giá trị căn nhà theo giá mà Hội đồng định giá của quận CR đã xác định, chị đồng ý giao căn nhà cho anh K quản lý sử dụng và yêu cầu anh K thanh toán lại cho chị nhận 1/2 giá trị là 110.762.000 đồng.

Về nợ chung: Có nợ bà Hồ Thị A số tiền 40.000.000 đồng, nợ bà Hồ Thị B số tiền 120.000.000 đồng, nợ Ngân hàng TT (gọi tắt là: Ngân hàng) số tiền đến ngày xét xử vốn G khoảng 50.000.000 đồng, khoản nợ Ngân hàng này do chị vay nên chị tự chịu trách nhiệm trả; đối với nợ bà A, bà B chị yêu cầu vợ chồng cùng trả, mỗi bên trả 1/2 (một nữa) số nợ trên cho bà A, bà B, ngoài ra không G yêu cầu nào khác.

Quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn MK trình bày: Thống nhất với lời trình bày của chị Z về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung, G nguyên nhân mâu thuẫn anh cho rằng chị Z có tình cảm qua lại với người đàn ông khác, nhưng anh G thương vợ, con nên không chấp nhận ly hôn. Nếu Hội đồng xét xử cho ly hôn anh không đồng ý để chị Z nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị Z, vì chị Z không đủ tư cách nuôi dạy con, anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị Z cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Thống nhất với lời chị Z trình bày là có 01 căn nhà được xây dựng trên đất của cha mẹ ruột anh, khi ly hôn anh yêu cầu tháo dỡ chia đôi bằng hiện vật, không đồng ý chia đôi giá trị và thói 1/2 giá trị căn nhà theo yêu cầu của chị Z. Anh cũng cho rằng tổng giá trị căn nhà lúc mới xây dựng chỉ khoảng 190.000.000 đồng nhưng hiện nay giá trị sử dụng còn lại chỉ 70% mà lại định giá là 221.524.000 đồng là cao nên không chấp nhận.

Đối với nợ chung: Anh K khai có nợ anh ruột anh là Nguyễn Tấn O số tiền 160.000.000 đồng, khi ly hôn anh yêu cầu anh và chị Z mỗi người có trách nhiệm trả 1/2 khoản nợ cho anh O. Những khoản nợ mà chị Z khai nợ bà A, nợ bà B, nợ Ngân hàng là không có, anh hoàn toàn không biết nên không chấp nhận trả 1/2 các khoản nợ theo yêu cầu của chị Z.

Quá trình tố tụng bà Hồ Thị A trình bày: Bà có cho chị Z mượn tiền hai lần vào tháng 4 và tháng 6 năm 2013 với số tiền 40.000.000 đồng, khi cho mượn chỉ một mình Z mượn nói là để cất nhà, khi cho mượn nghĩ chỗ con cháu nên không có làm giấy tờ gì. Nay, Z và K ly hôn nên bà yêu cầu cả hai cùng trả khoản nợ trên, mỗi người trả một nữa, không yêu cầu lãi suất.

Quá trình tố tụng bà Hồ Thị B trình bày: Bà có cho chị Z mượn số tiền 120.000.000 đồng, không nhớ rõ ngày tháng năm cho mượn, khi mượn chỉ một mình Z mượn nói là để cất nhà, khi cho mượn nghĩ chỗ con ruột nên không có làm giấy tờ gì. Nay, Z và K ly hôn nên bà yêu cầu cả hai cùng trả khoản nợ trên, mỗi người trả một nữa, không yêu cầu lãi suất.

Quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TT là ông Trịnh H trình bày: Vào ngày 05/02/2016 Ngân hàng có cho chị Z vay tín chấp với số tiền là 80.000.000 đồng, mục đích vay là tiêu dùng cán bộ nhân viên, khi cho vay hồ sơ chỉ một mình chị Z ký tên vay, chị Z đã trả còn lại vốn 55.010.000 đồng và lãi trong tháng tính đến ngày 20/5/2017 là 560.000 đồng. Vì đây là nợ trên hợp đồng cấp cho chị Z, chị Z thực hiện nghĩa vụ tính đến nay vẫn đảm bảo đúng hợp đồng vay nên Ngân hàng trong vụ án này không có yêu cầu độc lập, nếu sau này có phát sinh tranh chấp với chị Z sẽ khởi kiện giải quyết thành vụ án khác.

Quá trình tố tụng ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị L trình bày: Vợ chồng ông, bà có cho Z và K xây nhà trên đất của ông bà để ở, nếu vợ chồng Z và K hòa thuận chung sống cùng nhau thì ông bà cho ở, nếu ly hôn thì phải dỡ nhà trả lại đất cho ông bà. Nay ông bà kỳ hạn trong thời gian 02 – 03 tháng Z và K phải dỡ nhà trả lại đất cho ông bà, ông bà cho rằng đây là đất của ông bà nên ông bà muốn lấy lại thì lấy, không làm đơn yêu cầu độc lập và đóng tiền tạm ứng án phí để Tòa án giải quyết gì cả. Ngoài ra ông bà còn cho rằng có cho Z và K mượn 06 chỉ vàng 24k và 50.000.000 đồng nhưng không làm giấy tờ gì, nay Z nói ngược không có mượn chỉ cần giơ tay lên thề có trời có đất chứ không làm đơn yêu cầu đóng tiền tạm ứng án phí để Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng ông Nguyễn Tấn O trình bày: Ông có cho anh K mượn tiền ba lần với số tiền là 160.000.000 đồng, không nhớ ngày tháng năm cho mượn, cũng

không có làm giấy tờ gì, lúc mượn chỉ một mình K mượn, không có mặt Z. Do K mượn và K hứa trả cho ông nên ông và K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông không có yêu cầu độc lập, nếu sau này có phát sinh tranh chấp với chị Z sẽ khởi kiện giải quyết thành vụ án khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận cho chị Z được ly hôn với anh K, giao con chung cho chị Z tiếp tục nuôi dưỡng và buộc anh K phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 650.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi cháu L tròn 18 tuổi. Đề nghị chấp nhận chia tài sản chung là căn nhà diện tích 88,42m^2 theo định giá là 221.524.000 đồng/2 = 110.762.000 đồng, anh K được sở hữu và sử dụng căn nhà và có trách nhiệm thanh toán lại cho chị Z 1/2 giá trị căn nhà là 110.762.000 đồng. Về nợ chung bà A, bà B không chứng minh được anh K cùng vay nên chỉ xác định đây là nợ riêng của chị Z nên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà A, bà B buộc chị Z có trách nhiệm trả cho bà A 40.000.000 đồng, trả cho bà B 120.000.000 đồng. Đối với nợ anh O, nợ Ngân hàng, do anh O và Ngân hàng chưa yêu cầu giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác. Đối với yêu cầu của ông Đ, bà L tại phiên tòa yêu cầu chị Z anh K dở nhà trả đất và trả 50.000.000 đồng với 06 chỉ vàng 24K nhưng quá trình tố tụng được Thẩm phán hướng dẫn làm thủ tục yêu cầu độc lập nhiều lần nhưng ông, bà không làm nên không xem xét giải quyết nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác. Buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Trần Thị K Z và anh Nguyễn MK do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được với nhau nên chị Z yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, về cấp dưỡng; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hồ Thị A, Hồ Thị B có phát sinh tranh chấp về hợp đồng dân sự với chị Z và anh K, nơi cư trú của bị đơn thuộc lãnh thổ huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1, 5 Điều 28, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị A có yêu cầu độc lập nhưng xin xét xử vắng mặt. Ngân hàng và anh Nguyễn

Tấn O không có yêu cầu độc lập và đều xin xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Z và anh K được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã 2, huyện Châu Thành A theo quy định của pháp luật. Nhưng do cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn, đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc; tại phiên tòa qua xét hỏi công khai và quá trình tranh tụng Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa chị Z và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh K không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm và đoàn tụ, chị Z thì cương quyết ly hôn nên căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Z được ly hôn với anh K.

[3.1] Xét về con chung và yêu cầu cấp dưỡng: Chị Z và anh K đều có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Ngọc PL. Hội đồng xét xử nhận thấy cả chị Z và anh K đều thể hiện được tình yêu thương con là điều đáng trân trọng. Tuy nhiên, từ khi chị Z và anh K ly thân đến nay cháu L được chị Z trực tiếp nuôi dưỡng, cháu là nữ nên người mẹ trước mắt và về lâu dài sẽ chăm sóc tốt hơn người cha, và nhằm ổn định, không làm xáo trộn cuộc sống của cháu hiện nay nên giao cho chị Z được quyền tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Tại phiên tòa chị Z xác định yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật là 650.000/tháng từ thời điểm xét xử sơ thẩm đến khi cháu L tròn 18 tuổi là có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu chia tài sản chung: Chị Z và anh K khai thống nhất với nhau có 01 căn nhà xây dựng trên đất của ông Đ, bà L (là cha mẹ ruột anh K, cha mẹ chồng chị Z), chị Z yêu cầu chia 1/2 giá trị căn nhà, chị nhận giá trị và giao căn nhà cho anh K được toàn quyền quản lý sử dụng, anh K thì không đồng ý và yêu cầu tháo dỡ chia 1/2 hiện vật, anh K cho rằng giá trị căn nhà khi mới cất còn thấp hơn khi định giá. Đối với vấn đề này Hội đồng xét xử nhận định yêu cầu của chị Z là có cơ sở chấp nhận, yêu cầu của anh K là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, căn nhà đã xây dựng hoàn chỉnh và có giá trị sử dụng tương đối cao, việc đập bỏ hoặc tháo dỡ nhà chia hiện vật sẽ gây lãng phí, khi tháo dỡ sẽ bị hư hỏng, không còn sử dụng được. Mặt khác, việc xây dựng trên đất của cha mẹ ruột của anh K nên anh K có thể xin cha mẹ hoặc thỏa thuận với cha mẹ để anh trả lại giá trị đất để được quyền sử dụng là phù hợp hơn. Về giá trị căn nhà anh K cho rằng giá lúc mới xây dựng chỉ khoảng 190.000.000 đồng nhưng anh không đưa ra chứng cứ chứng minh về giá, tại phiên tòa anh thừa nhận đã được nhận chứng cứ trong hồ sơ về định giá do Tòa án hỗ trợ cung cấp chứng cứ cho anh, nhưng trong suốt quá trình tố tụng anh không có khiếu nại về giá đã định đến cơ quan có thẩm quyền nên không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Z, buộc anh K có nghĩa vụ trả cho chị Z 1/2 giá trị căn nhà theo biên bản định giá số 102/2016/BBĐG, ngày 06/12/2016 của Hội đồng định giá quận CR, thành phố Cần Thơ như sau: Giá trị căn nhà còn lại là 221.524.000 đồng/2 = 110.762.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu về trả nợ chung của chị Z, yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Hồ Thị A, bà Hồ Thị B: Hội đồng xét xử nhận định chị Z thừa nhận các khoản nợ bà A, bà B chỉ một mình chị đi mượn, khi về có nói lại cho anh K biết, mục đích vay mượn tiền là để xây cất nhà; bà A, bà B cũng thừa nhận chỉ một mình chị Z đi mượn, không có anh K, việc cho mượn không có làm giấy tờ, anh K không thừa nhận là nợ chung nhưng phía chị Z không có gì chứng minh là có nói lại cho anh K biết và không có gì để chứng minh dùng số tiền này để xây dựng nhà; bà A, bà B không có gì để chứng minh đây là nợ chung của chị Z và anh K nhưng yêu cầu mỗi người trả 1/2 nợ là chưa có căn cứ nên Hội đồng xét xử xác định đây là nợ riêng của chị Z, buộc chị Z có nghĩa vụ trả nợ cho bà A và bà B chứ không có căn cứ buộc anh K cùng trả. Vì vậy, yêu cầu của bà A, bà B chỉ được chấp nhận một phần.

[5] Đối với số nợ Ngân hàng TT, Hội đồng xét xử nhận định: Phía đại diện của Ngân hàng cho rằng khi cho vay hồ sơ chỉ một mình chị Z ký tên vay, chị Z vay tín chấp số tiền 80.000.000 đồng và đã trả còn lại vốn 55.010.000 đồng và lãi trong tháng tính đến ngày 20/5/2017 là 560.000 đồng, tại phiên tòa chị Z thống nhất lời trình bày của người đại diện Ngân hàng và tự chịu trách nhiệm trả nợ với Ngân hàng. Do Ngân hàng không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp với chị Z sẽ khởi kiện giải quyết thành vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Xét khoản nợ mà anh K khai có nợ của anh O: Hội đồng xét xử nhận định, tại biên bản ghi lời khai của anh O ngày 06/6/2017 anh O xác định một mình anh K mượn, anh với anh K tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[7] Xét ý kiến của ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị L, Hội đồng xét xử nhận định: Ông, bà là chủ quyền sử dụng phần đất mà anh K và chị Z cất nhà, ông bà có ý kiến cho chị Z anh K kỳ hạn 02 - 03 tháng phải dỡ nhà trả đất và ông bà khai có cho chị Z anh K mượn số tiền 50.000.000 đồng và 06 chỉ vàng 24K, mặt dù quá trình tố tụng đã được Thẩm phán giải thích về quyền và nghĩa vụ nhưng ông bà không thực hiện quyền, nghĩa vụ về yêu cầu độc lập theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[8] Về chi phí, lệ phí đo đạc, định giá tài sản là 1.850.000 đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự anh Nguyễn MK phải chịu 925.000 đồng; chị Trần Thị K Z phải chịu là 925.000 đồng. Do chị Z đã nộp tạm ứng chi phí, lệ phí đo đạc, định giá số tiền 1.850.000 đồng nên thu của anh K số tiền 925.000 đồng để trả lại cho chị Z.

[9] Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Trần Thị K Z phải chịu là 200.000 đồng. Án phí chia tài sản khi ly hôn chị Trần Thị K Z phải chịu như sau: Phần giá trị 1/2 căn nhà được chia là 110.762.000 đồng X 5% = 5.538.100 đồng. Án phí cấp dưỡng nuôi con chung anh Nguyễn MK phải chịu là 200.000 đồng. Án phí chia tài sản khi ly hôn anh Nguyễn MK phải chịu như sau: Phần giá trị 1/2 căn nhà được

chia là 110.762.000 đồng X 5% = 5.538.100 đồng. Do bà Hồ Thị A, bà Hồ Thị B bị bác một phần yêu cầu về đối tượng có nghĩa vụ trả nợ nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1, 5 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 165, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 39, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015. Khoản 3 Điều 38, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009; khoản 6 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị K Z. Cho chị Trần Thị K Z được ly hôn với anh Nguyễn MK.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc PL (nữ), sinh ngày 07/7/2013 cho chị Trần Thị K Z được quyền tiếp tục nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Nguyễn MK không ai được quyền cản trở. Buộc anh Nguyễn MK có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mức cấp dưỡng là 650.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm 02/8/2017 đến khi cháu L tròn 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Trần Thị K Z đối với anh Nguyễn MK. Chia căn nhà có diện tích xây dựng là 88,42m^2 loại nhà trệt, khung móng, cột bê tông cốt thép, vách tường riêng và vách tole (tôn) được xây dựng trên thửa đất 2796, tờ bản đồ số 2, diện tích 239,3m^2, loại đất CLN, tọa lạc tại **Khu 3, phường 4**, quận CR, thành phố Cần Thơ do ông Nguyễn Văn Đ đứng tên chủ quyền sử dụng đất.

3.1 Chia cho chị Trần Thị K Z 1/2 giá trị căn nhà tương ứng số tiền là 110.762.000 đồng. Chia cho anh Nguyễn MK 1/2 giá trị căn nhà tương ứng số tiền là 110.762.000 đồng.

3.2 Giao cho anh K được quyền sử dụng toàn bộ căn nhà có diện tích xây dựng là 88,42m^2 loại nhà trệt, khung móng, cột bê tông cốt thép, vách tường riêng và vách tole (tôn) được xây dựng trên thửa đất 2796, tờ bản đồ số 2, diện tích 239,3m^2, loại đất CLN, tọa lạc tại Khu 3, phường 4, quận CR, thành phố Cần Thơ do ông Nguyễn Văn Đ đứng tên chủ quyền sử dụng đất (kèm theo Biên bản định tài sản số 102/2016/BBĐG, ngày 06/12/2016 của Hội đồng định giá quận CR, thành phố Cần Thơ và trích lục bản đồ địa chính ngày 29/3/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận CR). Buộc anh K có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị Z 1/2 giá trị căn

nhà với số tiền là 110.762.000 đồng. Kể từ ngày chị Trần Thị K Z có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Nguyễn MK chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của Hồ Thị A, bà Hồ Thị B. Buộc chị Trần Thị K Z có trách nhiệm trả cho bà Hồ Thị A số tiền 40.000.000 đồng; có trách nhiệm trả cho bà Hồ Thị B số tiền 120.000.000 đồng. Kể từ ngày bà Hồ Thị A, bà Hồ Thị B có đơn yêu cầu thi hành án đối với phần tiền của mình nếu chị Trần Thị K Z chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

5. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị A, bà Hồ Thị B về việc yêu cầu buộc anh K có trách nhiệm cùng trả nợ chung với chị Z.

6. Tách khoản nợ vay của chị Z với Ngân hàng TT; tách khoản nợ vay của anh O với anh K; tách yêu cầu di dời nhà đòi lại đất của ông Nguyễn Văn Đ đối với anh K, chị Z; tách khoản nợ mà bà Trần Thị L cho rằng cho chị Z anh K mượn ra giải quyết thành vụ án khác nếu sau này có yêu cầu theo quy định pháp luật.

7. Về chi phí, lệ phí đo đạc, định giá tài sản là 1.850.000 đồng. Theo đó, anh Nguyễn MK phải chịu 925.000 đồng; chị Trần Thị K Z phải chịu là 925.000 đồng. Do chị Z đã nộp tạm ứng chi phí, lệ phí đo đạc, định giá số tiền 1.850.000 đồng nên thu của anh K số tiền 925.000 đồng để trả lại cho chị Z.

8. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Trần Thị K Z phải chịu là 200.000 đồng. Chuyển 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Z đã nộp tạm ứng án phí lệ phí Tòa án theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 008892 ngày 05/4/2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận CR, thành phố Cần Thơ thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (chị Z đã nộp xong);

- Án phí chia tài sản khi ly hôn chị Trần Thị K Z phải chịu là 5.538.100 đồng. Chuyển 4.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí chia tài sản chị Z đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006612 ngày 23/5/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang thành án phí chia tài sản, chị Trần Thị K Z G phải nộp thêm số tiền là 1.538.100 đồng;

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung anh K phải chịu là 200.000 đồng. Án phí chia tài sản khi ly hôn anh Nguyễn MK phải chịu là 5.538.100 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm do một phần yêu cầu của bà A, bà B được chấp nhận chị Trần Thị K Z phải chịu là 8.000.000 đồng.

- Bà Hồ Thị A được nhận lại 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0010990 ngày 29/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Bà Hồ Thị B được nhận lại 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0010989 ngày 29/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

9. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú.

10. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- UBND xã 2;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Minh Tâm